

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC  
TỈNH KIÊN GIANG**

Số: **20/2022/DSST**

Ngày: 13/4/2022

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng  
dân sự vay tài sản*”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC – TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Lâm Thanh Điền**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Dương Tấn Đầu**

2. Ông **Nguyễn Phước Lộc**

**- Thư ký phiên tòa:** Ông **Đặng Đình Toàn**– Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc tỉnh Kiên Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc tham gia phiên tòa:** Bà **Đặng Mỹ Phương**- Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 4 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 54/2021/TLST- DS, ngày 03 tháng 02 năm 2021 về: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2021/QĐXXST-DS, ngày 28/12/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2022/QĐST-DS, ngày 17/01/2022; Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 28/TB-TA, ngày 28/02/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2022/QĐST-DS, ngày 17/3/2022 và Thông báo về việc dời phiên tòa số 68/TB-TA, ngày 04/04/2022, giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn:** Ông **Lê Minh B**, sinh năm 1963 (Có mặt).

Địa chỉ: Số 52 đường HV, KP 5, phường DĐ, thành phố PQ, tỉnh KG

**\* Bị đơn:** Ông **Nguyễn Thanh H**, sinh năm 1959 (Có mặt).

Địa chỉ: Tổ 5, ấp 4, xã CC, thành phố PQ, tỉnh KG.

**- Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:** Anh **Trần Văn K**, sinh năm 1986 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số 124 Nam K Khởi Nghĩa, tầng 7, tòa nhà vụ công tác phía nam, phường BN, quận 1, thành phố HCM.

**\* Người làm chứng:**

1. Ông **Huỳnh Quan T**, sinh năm 1968 (Xin giải quyết vắng mặt)  
Địa chỉ: KP 2, phường DD, thành phố PQ, tỉnh KG
2. Ông **Trần Văn Thoại**, sinh năm 1960 (Xin giải quyết vắng mặt)  
Địa chỉ: KP 5, phường DD, thành phố PQ, tỉnh KG
3. Ông **Nguyễn Tấn Tài**, sinh năm 1981 (Xin giải quyết vắng mặt)  
Địa chỉ: Ấp RH, xã HN, thành phố PQ, tỉnh KG
4. Ông **Phan Văn Sở**, sinh năm 1963 (Vắng mặt)  
Địa chỉ: Ấp CL, xã DT, thành phố PQ, tỉnh KG.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***\* Tại đơn khởi kiện, tại biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn ông Lê Minh B trình bày:***

Ông Lê Minh B có cho ông Nguyễn Thanh H mượn tổng số tiền là 2.620.000.000 (Hai tỷ, sáu trăm, hai mươi triệu đồng), cụ thể như sau:

- Ngày 26/11/2019, cho mượn số tiền 1.000.000.000 đồng, thời hạn trả tiền là ngày 26/5/2020;

- Ngày 12/4/2020, cho mượn số tiền 120.000.000 đồng; thời hạn trả tiền là ngày 12/10/2020;

- Ngày 30/5/2020, cho mượn số tiền 1.500.000.000 đồng thời hạn trả tiền là ngày 30/8/2020.

Khi cho ông Nguyễn Thanh H mượn tiền thì ông Lê Minh B không có tính lãi suất.

Để tạo lòng tin cho việc mượn tiền thì ông H có thể chấp cho ông B thửa đất 31.634m<sup>2</sup> đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thuộc thửa đất số 2, tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại ấp 4, xã Cửa Cạn, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

Tháng 8/2020, đến hạn trả tiền thì ông H không trả tiền cho ông B mặc dù ông B đã rất nhiều lần yêu cầu ông H trả tiền nhưng ông H vẫn cố tình không trả.

Nay ông B yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc giải quyết:

Buộc ông Nguyễn Thanh H phải có trách nhiệm trả cho ông Lê Minh B số tiền 2.620.000.000 đồng (Hai tỷ, sáu trăm, hai mươi triệu đồng), trả một lần và không yêu cầu tính lãi suất.

***\* Bị đơn ông Nguyễn Thanh H trình bày:***

Vì cần tiền làm từ thiện xây dựng thánh thất Cao Đài tại thị trấn M L, tỉnh AG nên ông H có vay của ông B số tiền vay là 400.000.000 đồng vào ngày 26/11/2019, ông B bắt ông H ký biên nhận nợ số tiền 1.000.000.000 đồng; Sau đó ông H không có tiền trả ông B nên ông B tiếp tục viết biên nhận từ 1.000.000.000 đồng lên 1.500.000.000 đồng, ông H có nói với ông B là hủy biên nhận nợ

1.000.000.000 đồng nhưng ông B không hủy, sau đó ông B đưa cho ông H số tiền 60.000.000 đồng nhưng ông B lại ghi biên nhận nợ 120.000.000 đồng. Ông H không có thể chấp thừa đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 2, tờ bản đồ số 11, diện tích 31.634m<sup>2</sup> tọa lạc tại ấp 4, xã Cửa Cạn, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang cho ông Be.

Ông H cho rằng số tiền thực nhận mà ông B đưa cho ông mượn chỉ có 460.000.000 đồng chứ không phải 2.620.000.000 đồng như ông B trình bày. Việc mượn tiền này mục đích để xây dựng thánh thất Cao Đài tại thị trấn M L, tỉnh AG và vợ con ông H không biết việc ông H mượn tiền, ông H cũng không dùng số tiền đã mượn để trang trải cuộc sống gia đình.

Trước yêu cầu khởi kiện của ông B thì ông H có ý kiến không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông H chỉ đồng ý trả số tiền mà ông H thực nhận là 460.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật là 20%/năm kể từ ngày vay cho đến khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Thanh H trình bày ông đã rất nhiều lần liên hệ với ông Trần Văn K là người đại diện theo ủy quyền của mình nhưng vẫn không liên lạc được, xét thấy tự bản thân ông đã nắm rất rõ quá trình giao dịch với ông B nên ông tự sẽ tự mình trình bày trước tòa mà không cần sự có mặt của ông K.

Bên cạnh đó, ông H yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí cho ông với lý do ông là người cao tuổi.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc có ý kiến:

#### I. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật như: Thụ lý đúng thẩm quyền theo các Điều 26 và Điều 35 và Điều 39 BLTTDS; Thẩm phán đã thực hiện việc giao nhận thông báo thụ lý cho VKS và cho đương sự đúng quy định tại Điều 196 BLTTDS; Thẩm phán đã xác định tư cách tham gia tố tụng của các đương sự đúng quy định tại Điều 68 BLTTDS; Thẩm phán đã xác minh, thu thập chứng cứ đúng quy định tại các Điều 97, Điều 98 BLTTDS.

Tuy nhiên, trong quá trình xem xét giải quyết đã vi phạm về ngày thụ lý và thời hạn chuẩn bị xét xử. Cụ thể: ngày 22/01/2021 đương sự nộp biên lai thu tiền tạm ứng án phí nhưng ngày 03/02/2021 mới thụ lý yêu cầu khởi kiện là vi phạm khoản 3 Điều 195 BLTTDS; ngày 03/02/2021 thụ lý vụ án nhưng đến ngày 28/12/2021 mới quyết định đưa vụ án ra xét xử là đã vi phạm khoản 1 Điều 203 BLTTDS năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên Tòa Tại phiên tòa hôm nay, hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS về

phiên tòa sơ thẩm như: Nguyên tắc xét xử, thành phần HĐXX, các bước tiến hành thủ tục phiên tòa sơ thẩm và trực tiếp thẩm vấn các đương sự tại phiên tòa, đảm bảo được tính khách quan cho vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay Thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo đúng quy định tại Điều 51 BLTTDS năm 2015.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, nguyên đơn, bị đơn và những người làm chứng đã chấp hành, thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình theo Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 77, 78 BLTTDS.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn có mặt và chấp hành nội quy phiên tòa.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh H có mặt nhưng người đại diện theo ủy quyền của ông H là ông Trần Văn K vắng mặt, ông H đồng ý xét xử vắng mặt ông K và ông H trực tiếp tham gia tố tụng.

## II. VIỆC GIẢI QUYẾT VỤ ÁN DÂN SỰ

Qua nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các bên đương sự, đối chiếu với các quy định của pháp luật, Viện Kiểm sát nhận thấy: Yêu cầu khởi kiện của ông Lê Minh B yêu cầu ông Nguyễn Thanh H phải trả số tiền vay là 2.620.000.000 đồng không yêu cầu tính lãi có cơ sở để chấp nhận. Bởi, Việc vay mượn tiền giữa ông Lê Minh B và ông Nguyễn Thanh H đều có lập thành văn bản, đều thể hiện rõ là đã nhận đủ số tiền và ký tên, ông Hồng cũng thừa nhận trên 03 biên nhận đó là chữ ký của ông. Như vậy, giữa ông B và ông H đã thỏa thuận giao kết hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 BLDS và vay có thời hạn và không có lãi theo quy định tại khoản 1 Điều 470 BLDS. Ông Nguyễn Thanh H cho rằng mình chỉ vay có tổng cộng là 460.000.000 đồng, lần đầu ngày 26/11/2019 chỉ vay 400.000.000 đồng nhưng ông B buộc phải viết ký biên nhận 1.000.000.000 đồng. Đến hạn không trả được nên ông B yêu cầu viết biên nhận 1.500.000.000 đồng vào ngày 20/5/2020, lúc ký biên nhận ngày 20/5/2020, ông H cho rằng có kêu ông B hủy biên nhận ngày 29/11/2019 là 1.000.000.000 đồng nhưng ông B không hủy. Sau đó, ông B có đưa cho tôi 60.000.000 đồng và ghi biên nhận là 120.000.000 đồng. Lời khai này của ông H là không có cơ sở để xem xét, vì ông H là người trực tiếp đi vay và là người trực tiếp ký vào mỗi biên nhận nếu yêu cầu ông B không hủy thì ông H vẫn có thể ghi vào tờ biên nhận với nội dung là số tiền cộng dồn gốc với lãi. Ông H, thừa nhận không có chứng chứng minh cho lời khai của ông, nhưng có ông T, ông Th, ông T, ông S biết việc này, sau khi Tòa án tiến hành lấy lời khai, những người này khai cũng chỉ nghe ông H nói lại, chứ không thấy, không chứng kiến việc ký hợp đồng hay vay mượn gì giữa ông H và ông B. Việc ông H cho rằng, ông H vay tiền của ông B để làm từ thiện và vợ con không biết việc này nên không yêu cầu

đưa vợ ông vào với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và ông B đồng ý, nên không yêu cầu vợ ông H phải liên đới chịu trách cùng với ông Hồng. Đề nghị: Căn cứ vào Điều 463, 470 BLDS năm 2015: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Minh B đối với ông Nguyễn Thanh H. Buộc ông Nguyễn Thanh H phải trả cho ông Lê Minh B 2.620.000.000đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa. Sau khi thảo luận nghị án Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định.*

#### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

Những người làm chứng đều có văn bản trình bày ý kiến. Căn cứ vào khoản 2 Điều 229 BLTTDS năm 2015 Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt người làm chứng.

#### **[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:**

Theo nội dung tranh chấp giữa các đương sự về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” theo quy định tại Điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

#### **[3] Về nội dung vụ án:**

Tranh chấp giữa nguyên đơn ông Lê Minh B đối với bị đơn ông Nguyễn Thanh H là tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản quy định pháp luật để giải quyết trong vụ án này là Điều 357, 463, 466 và Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa, ông Lê Minh B yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Thanh H phải có trách nhiệm trả cho ông Lê Minh B số tiền 2.620.000.000 đồng (Hai tỷ, sáu trăm, hai mươi triệu đồng), trả một lần hết số tiền trên và không yêu cầu tính lãi suất.

Xét thấy, yêu cầu của ông Lê Minh B là có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ, tại biên nhận nợ các ngày 26/11/2019; ngày 12/10/2020 và ngày 30/5/2020 thể hiện nội dung là ông Lê Minh B có cho ông Nguyễn Thanh H mượn 3 lần với 3 biên nhận nợ tổng số tiền là 2.620.000.000 đồng.

- Lần 1: Ngày 26/11/2019 mượn số tiền 1.000.000.000 đồng, thời hạn trả tiền là ngày 26/5/2020;

- Lần 2: Ngày 12/4/2020 mượn số tiền 120.000.000 đồng; thời hạn trả tiền là ngày 12/10/2020;

- Lần 3: Ngày 30/5/2020 mượn số tiền 1.500.000.000 đồng thời hạn trả tiền là ngày 30/8/2020.

Ông H khẳng định 03 biên nhận nợ mà ông B nộp kèm theo đơn khởi kiện đúng là chữ ký và chữ viết họ và tên của ông Nguyễn Thanh H và ông H tự nguyện ký vào 03 biên nhận đó. Ông H không có chứng cứ, hay bất K văn bản nào chứng minh cho việc ông thực nhận từ ông B chỉ với số tiền 460.000.000 đồng. Việc xác lập hợp đồng và giao nhận tiền được thực hiện trực tiếp giữa ông B và ông H, không có người nào chứng kiến, phù hợp với lời khai của những người làm chứng là họ chỉ biết được nội dung giao dịch giữa hai bên thông qua lời kể lại của ông Hồng.

Việc ông H cho rằng ông vì cần tiền làm từ thiện xây dựng thánh thất Cao Đài tại thị trấn M L, tỉnh AG nên ông H có vay của ông B số tiền vay là 400.000.000 đồng vào ngày 26/11/2019, ông B bắt ông H ký biên nhận nợ số với tiền 1.000.000.000 đồng; Sau đó ông H không có tiền trả cho ông B nên ông B tiếp tục viết biên nhận nợ từ 1.000.000.000 đồng lên thành 1.500.000.000 đồng, ông H có nói với ông B là hủy biên nhận nợ 1.000.000.000 đồng mà ông B không hủy, sau đó ông B đưa cho ông H số tiền 60.000.000 đồng nhưng ông B lại ghi biên nhận nợ 120.000.000 đồng, lời trình bày của ông H là không có cơ sở chấp nhận do ông H không có chứng cứ, hay bất kỳ văn bản thể hiện thỏa thuận nào chứng minh cho việc ông thực nhận từ ông B đối với số tiền 460.000.000 đồng như ông đã trình bày. Bên cạnh đó, ông H khẳng định 03 biên nhận nợ mà ông B nộp kèm theo đơn khởi kiện đúng là chữ ký và chữ viết họ và tên của ông H và ông H tự nguyện ký vào 03 biên nhận đó.

#### **[4] Về án phí:**

Xét yêu cầu xin miễn án phí của ông H. Căn cứ vào thông tin cá nhân mà ông H cung cấp có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy ông H sinh năm 1959 là người cao tuổi được miễn án phí thuộc trường hợp quy định điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBNTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nghị nên chấp nhận yêu cầu này của ông Hồng.

Hoàn trả cho ông Lê Minh B với số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 42.200.000 đồng theo biên lai thu số 0000074, ngày 22/01/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

*Vì các lẽ trên;*

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Áp dụng các Điều 26, 147, 227, 266, 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Áp dụng các Điều 463; 464; 465; 466 và Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Minh B đối với ông Nguyễn Thanh Hồng.

2. Buộc ông Nguyễn Thanh H có nghĩa vụ trả một lần cho ông Lê Minh B với số tiền 2.620.000.000đồng (Hai tỷ, sáu trăm, hai mươi triệu đồng).

*Kể từ ngày có đơn thi hành án bên phải thi hành án không trả số tiền trên thì hàng tháng phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.*

**3. Về án phí:**

Miễn án phí đối với ông Nguyễn Thanh H thuộc trường hợp quy định điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Hoàn trả cho ông Lê Minh B với số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 42.200.000 đồng theo biên lai thu số 0000074, ngày 22/01/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.*

Báo cho các đương sự biết có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án để xin xét xử phúc thẩm tại Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh KG;
- VKS nhân dân thành phố PQ;
- THA thành phố PQ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

**Lâm Thanh Điền**

